TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAK ĐOA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 05 tháng 01 năm 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn D.

2. Bà Nguyễn Thị C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tiến Hnh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 74/2023/TLST-DS ngày 13/10/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-DS ngày 19/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên Đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn C, xã KDang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn C, xã KDang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vì chỗ quen biết với nhau và sống cùng thôn với nhau từ trước nên bà có cho bà Đỗ Thị Thu H (bị đơn) vay tiền và bị đơn còn nợ tại 09 giấy tiền với tổng số tiền là 264.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 04/5/2021 bà Đỗ Thị Thu Hcó vay của bà số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 24/6/2021 bà Đỗ Thị Thu H tiếp tục vay của bà số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Ngày 08/8/2021 bà Đỗ Thị Thu H vay của bà 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Ngày 16/9/2022 bà Đỗ Thị Thu H vay của bà 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

- Ngày 13/12/2022 bà Đỗ Thị Thu H vay của bà 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng).

- Ngày 19/12/2022 bà Đỗ Thị Thu H vay của bà 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Ngày 26/01/2023 bà Đỗ Thị Thu H vay của bà 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

- Ngày 25/02/2023 bà Đỗ Thị Thu H vay của bà 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Ngày 08/3/2023 bà Đỗ Thị Thu H vay của bà 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Các lần vay đều thỏa thuận miệng với nhau khi nào bà cần tiền thì bà H sẽ trả. Bà đã có đòi nhiều lần nhưng bà H không trả nên đến ngày 23/7/2023 bà có gửi thông báo về việc trả nợ yêu cầu bà H trong thời hạn 10 ngày (đến ngày 03/8/2023) phải trả cho tôi toàn bộ số tiền đã vay mượn là 264.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng), nhưng tới nay bà H vẫn chưa trả. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Thu H phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là: 264.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Việc vay mượn tiền trên chỉ có 2 bên vay mượn không có liên quan chồng con của nguyên đơn và bị đơn.

** Tại bản khai, biên bản công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày:*

Trong các năm 2021, năm 2022 và năm 2023 bà có mượn của bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) tổng số tiền là 264.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng) tại 09 Giấy vay tiền như nguyên đơn khởi kiện là đúng, 09 lần giấy mượn tiền của nguyên đơn thì thì bị đơn đều viết và ký vào giấy mượn tiền cho bà T để làm tin. Nhưng hiện tại bà đã trả cho bà T được số tiền là: 164.000,.000 đồng (Một trăm sau mươi bốn triệu đồng), chỉ con nợ bà T số tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Nhưng việc trả tiền cho bà T là do tin tưởng nên bà T không viết giấy biên nhận cho bà nên bà không có chứng cứ chứng minh là bà đã trả tiền cho bà T. Số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) bà xin trả 1 tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và cho cho bà xin tiền lãi suất. Việc mượn tiền chỉ có bà và bà T không liên quan đến chồng con bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị T (là nguyên đơn) khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Thu H (là bị đơn) trả nợ tổng số tiền bị đơn đã vay của nguyên đơn tại 9 giấy vay tiền

do nguyên đơn khởi kiện là 264.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Hiện nay bị đơn đang cư trú tại địa chỉ Thôn Cầu Vàng, xã KDang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai nên tranh chấp trên được Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án không có thu thập tài kiệu, chứng cứ nên không có đưa Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, tại 09 Giấy vay tiền (bản chính) do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ vụ án, nội dung thể hiện việc bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) đã cho bà Đỗ Thị Thu H (bị đơn) vay tiền cụ thể như sau:

"- Giấy mượn tiền ghi ngày 04/5/2021 (Bút lục 58). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), không có ghi ngày trả nợ;

- Giấy mượn tiền ghi ngày 24/6/2021 (Bút lục 56). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), có ghi ngày trả nợ;

- Giấy mượn tiền ghi ngày 08/8/2021 (Bút lục 54). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không có ghi ngày trả nợ;

- Giấy mượn tiền ghi ngày 13/12/2022 (Bút lục 52). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng), có ghi hẹn thời gian trả nợ là 5 tháng;

Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không có ghi ngày trả nợ;

- Giấy mượn tiền ghi ngày 16/9/2022 âm lịch (Bút lục 50). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 18.000.000 đồng (Mười triệu đồng), có ghi hẹn thời gian trả nợ là 5 tháng;

- Giấy mượn tiền ghi ngày 19/12/2022 (Bút lục 48). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), không có ghi ngày trả nợ;

- Giấy mượn tiền ngày 26/01/2023 (Bút lục 46). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng), không có ghi ngày trả nợ;

- Giấy mượn tiền ngày 25/02/2023 (Bút lục 44). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), không có ghi ngày trả nợ.

- Giấy mượn tiền ngày 08/3/2023 (Bút lục 42). Thể hiện rõ nội dung "bà Đỗ Thị Thu H" có mượn của "bà Nguyễn Thị T" số 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), có ghi hẹn thời gian trả nợ là 5 tháng;".

[2.2] Tổng số tiền mà nguyên đơn cho bị đơn vay tại 09 Giấy vay tiền nêu trên là 264.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Nhận thấy, tại các Giấy vay tiền nêu trên đều thể hiện phần nội dung phần người vay tiền đều ghi rõ họ và tên là "Đỗ Thị Thu H", địa chỉ tại Thôn Cầu Vàng, xã K'Dang, huyện Đak Đoa,

tỉnh Gai Lai và cuối 09 Giấy vay tiền đều có chữ ký ghi rõ người vay tiền là "Đỗ Thị Thu H". Tại bản tự khai (Bút lục 33), biên bản hòa giải (Bút lục 62) thì bị đơn đều thừa nhận là: "*Bị đơn có vay tại 09 Giấy vay tiền với tổng số tiền là 264.000.000 đồng, nhưng đã trả cho bà T số tiền 164.000,.000 đồng (Một trăm sau mươi bốn triệu đồng), chỉ còn nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc trả tiền cho nguyên đơn là do tin tưởng nên không có viết giấy biên nhận nên bị đơn không có chứng cứ chứng minh là bị đơn đã trả tiền cho bà T. Số tiền còn nợ lại 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bị đơn xin trả 1 tháng 3.000.000 đồng và cho bị đơn xin tiền lãi suất. Việc mượn tiền chỉ có bà và bà T không liên quan đến chồng con bà"*. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn tại 09 Giấy vay tiền nêu trên là 264.000.000 đồng là phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bị đơn khai đã trả cho nguyên đơn 164.000.000 đồng, chỉ còn nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng bị đơn không xuất trình được chứng cứ để chứng minh đã trả nợ số tiền trên, do đó việc bị đơn cho rằng chỉ còn nợ nguyên đơn 100.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận trình bày của bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc bị đơn đã vay tại 09 Giấy vay tiền nêu trên là 264.000.000 đồng và nguyên đơn đã cung cấp được đủ các tài liệu, chứng cứ để chứng minh và được bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền nêu trên nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đã trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn trình bày là đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả và nguyên đơn đã gửi thông báo yêu cầu bị đơn trả nợ trước khi khởi kiện (Bút lục 12) nhưng bị đơn vẫn không chịu trả là gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc đã vay là 264.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi không xem xét.

[2.3] Đối với trình bày của bị đơn đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ khôi phục lại tài khoản và sao kê giao dịch của tài khoản số 62010001447043 mang tên Đỗ Thị Thu H tại Ngân Hng BIDV Chi nhánh Đak Đoa. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cung cấp tài liệu, chứng cứ là quyền và cũng là nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 70, Điều 72, Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự, ngoài ra tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"Đương sự yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ phải làm đơn ghi rõ vấn đề cần chứng minh; tài liệu, chứng cứ cần thu thập; lý do mình không tự thu thập được; họ, tên, địa chỉ của cá nhân, tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ cần thu thập"*, nhưng bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh lý do bị đơn không tự thu thập được nên việc thu thập tài liệu, chứng cứ như bị đơn yêu cầu không phải là nghĩa vụ của Tòa án. Hơn nữa, căn cứ vào lờ khai của bị đơn đã thể hiện *"Bị đơn có vay tại 09 Giấy vay tiền với tổng số tiền là 264.000.000 đồng, nhưng đã trả cho bà T số tiền 164.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu đồng), chỉ còn nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc trả tiền cho nguyên đơn là do tin tưởng nên không có viết giấy biên nhận nên bị đơn không có chứng cứ chứng minh là bị đơn đã trả tiền cho bà T. Số tiền con nợ lại 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bị đơn xin trả 1 tháng 3.000.000 đồng và cho bị đơn xin tiền lãi suất" (bút lục 33).* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, trình bày của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ

sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị nêu trên của bị đơn là nhằm cố tình kéo dài vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của bị đơn,

[3] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93,, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Đỗ Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền gốc đã vay 264.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Buộc bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.200.000 đồng.

- Trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010072 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc

thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Chi cục THADS huyện Đak Đoa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Xuân Hòa